**Phụ lục I. Các nguồn gây ô nhiễm**

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Bảng 1. Danh mục các đô thị

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số (người/km ²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Đô thị loại II								
1	Thành phố Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	1.828	11.531	24.000	10.000 -16.000	100% nhà vệ sinh hầm tự hoại	Đạt QCVN 14:2008/BTNMT
II Đô thị loại IV								
1	Thị xã Vĩnh Châu	Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	353	6.291	Không có	0,00	100% nhà vệ sinh hầm tự hoại	Không có dữ liệu
2	Thị Xã Ngã Năm	Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	308	3.142	Không có	0,00	100% nhà vệ sinh hầm tự hoại	Không có dữ liệu
III Đô thị loại V								
1	16 Thị trấn, trung tâm xã	Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	-	11.507	Không có	0,00	100% nhà vệ sinh hầm tự hoại	Không có dữ liệu

**Bảng 2. Danh mục các khu công nghiệp**

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	KCN An Nghiệp	Xã An Hiệp, huyện Châu Thành và phường 7, thành phố Sóc Trăng	243	Ban Quản lý các KCN tỉnh Sóc Trăng	65	99,4	có	9.037	10.000	-	-	45.180	50,2	-	12,47*
2	KCN Trần Đề (đang xây dựng)	ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề	160		-	-	có	-	4.500	-	-	-	-		11,63

Ghi chú: “*” Diện tích cây xanh, mặt nước


Bảng 3. Danh mục các cụm công nghiệp

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	CCN Ngã Năm	-	44,88	-	-	10,92	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	CCN Vĩnh Châu	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	CCN Thạnh Phú	-	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	CCN ấp Nhì	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	CCN Xây Đá B	Công ty TNHH DINTSUN Việt Nam	53,89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	CCN An Thạnh	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
7	CCN TPST	-	52,78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	An Lạc Thôn 1	Công ty TNHH Vũ Đình Ninh Bình	32,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	An Lạc Thôn 2	Công ty TNHH Vũ Đình Ninh Bình	42,6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	CCN Xây Đá B mới	Công ty Cổ phần Nam Định	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



**Bảng 5. Danh mục các nguồn thải lớn (>50 m³/ngày.đêm)**

TT	Tên dự án	Ngành nghề	Địa chỉ	Huyện/thị xã
1	Trang trại chăn nuôi heo tập trung của DNTN Nguyễn Thanh Hoài	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	Áp An Tập, xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Châu Thành
2	Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường An Nghiệp	Xử lý nước thải	Khu đầu mối kỹ thuật, đường N1, KCN An Nghiệp	
3	Trang trại chăn nuôi heo nái của DNTN Lạc Hồng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	Áp Mỹ Phú, xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	
4	Công ty TNHH MTV Ngọc Thái	chế biến thủy sản	thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú	Long Phú
5	Công ty TNHH Khánh Sùng	Chế biến thủy sản	Số 67, Quốc lộ 1A, ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Mỹ Xuyên
6	Công ty TNHH Minh Đăng	Chế biến thủy sản	Số 83, Đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	
7	Doanh nghiệp tư nhân Diệp Thị Bảy	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	
8	Nông trại xanh khu 1 và khu 2 - Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng	nuôi trồng thủy sản	Áp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	Trần Đề
9	Đề án khu nuôi tôm công nghiệp 35,6896 ha	Nuôi trồng thủy sản	Áp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	
10	Trang trại nuôi tôm Phạm Minh Tiền (Trang trại Nam Chánh ECO - Công ty CP Thủy sản Sóc Trăng)	Nuôi trồng thủy sản	Áp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	
11	Công ty Cổ phần CBTS Út Xi	Chế biến thủy sản	Số 24, đường Tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	

TT	Tên dự án	Ngành nghề	Địa chỉ	Huyện/thị xã
12	Công ty TNHH Chế biến hải sản Khánh Hoàng (Chả cá)	Chế biến lương thực, thực phẩm	Ấp Càng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	
13	Trang trại nuôi trồng thủy sản A Sùng	nuôi trồng thủy sản	ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	
14	Trang trại nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm - Công ty CP thủy sản sạch Sóc Trăng	nuôi trồng thủy sản	ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	
15	Trại nuôi tôm Nguyễn Văn Nhiệm - Khu I	nuôi trồng thủy sản	ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	
16	Trại nuôi tôm Thanh Nhật	nuôi trồng thủy sản	ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	
17	Công ty Cổ Phần Công trình đô thị Sóc Trăng (nhà máy xử lý nước thải)	Xử lý nước thải	đường Cao Thắng, Phường 8, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	TP. Sóc Trăng
18	Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta	Chế biến thủy sản	Km 2132, Quốc Lộ 1A, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	
19	Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng (Stapimex)	Chế biến thủy sản	Số 220, Quốc Lộ 1, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
20	Công ty Cổ Phần Cấp nước Sóc Trăng	Cấp nước sạch	Số 16, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
21	Doanh nghiệp tư nhân Vựa heo Tý	giết mổ gia súc, gia cầm	Kinh Thị Đội, Phường 8, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
22	Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Sản xuất đường	Số 845, đường Phạm Hùng, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	



TT	Tên dự án	Ngành nghề	Địa chỉ	Huyện/thị xã
23	Công ty Cổ phần thực phẩm Phương Nam	Chế biến thủy sản	Km 2127, Quốc Lộ 1A, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	
24	Nhà máy may Nhà Bè - Sóc Trăng	may mặc	Phường 7 Thành phố Sóc Trăng	
25	Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu Thái Tân	Chế biến thủy sản	Số 176, Quốc Lộ 1, Khóm 1, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	
26	Công ty Cổ phần bia Việt -Đức	Sản xuất bia	Số 482 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
27	Công ty TNHH Thực phẩm Năng Đại Dương	Chế biến thủy sản	Số 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	
28	Dự án trại nuôi trồng thủy sản Tân Nam (TANA FARM)	Nuôi trồng thủy sản	Ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	TX Vĩnh Châu
29	Trại nuôi thủy sản Nô-Puol (Hono farm)	Nuôi trồng thủy sản	Ấp Tân Nam và ấp Nô Thum, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	
30	Trại nuôi thủy sản Vĩnh Tân (VITA FARM)	Nuôi trồng thủy sản	ấp Nô Puol, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	
31	Dự án khu nghiên cứu thủy sản và nuôi tôm công nghiệp - Cty TNHH Vĩnh Thuận	Nuôi trồng thủy sản	khóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	
32	Dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao xuất khẩu tại Vĩnh	Nuôi trồng thủy sản	ấp Nô Puol, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	



TT	Tên dự án	Ngành nghề	Địa chỉ	Huyện/thị xã
	Châu, Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An			
33	Khu sản xuất tôm giống biển - Công ty TNHH Thủy sản Việt Úc - Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	
34	Công ty TNHH O&H Loong Pty	chế biến thủy sản	thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Thạnh Trị

**Bảng 6. Danh mục các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường**

STT	Tên	Quy mô hệ thống xử lý nước thải (m ³ /ngày.đêm)	Địa chỉ
1	Công Ty CP Thủy Sản Sóc Trăng	850	220 QL1A, Phường 7, Sóc Trăng
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	1.000	Km 2132, Quốc lộ 1A, K7, P2, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
3	Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Khánh Sùng	765	67 Quốc lộ 1A, ấp Tâm Phước, Xã Đại Tâm, Huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.
4	Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Phong	1.000	24 Đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
5	Xí nghiệp chế biến thực phẩm Thái Tân	1.000	176 Quốc lộ 1, K1 P7, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
6	Nhà máy mía đường Sóc Trăng	1.620	Số 845, Phạm Hùng, Phường 8, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
7	Công ty Cổ phần bia Việt Đức	800	483 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
8	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp	10.000	N2, An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng
9	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Sóc Trăng	24.000	Đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
10	Trang trại chăn nuôi heo tập trung của DNTN Nguyễn Thanh Hoài	-	Ấp An Tập, xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, Sóc Trăng



STT	Tên	Quy mô hệ thống xử lý nước thải (m ³ /ngày.đêm)	Địa chỉ
11	Trang trại chăn nuôi heo nái của DNTN Lạc Hồng	-	Ấp Mỹ Phú, xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, Sóc Trăng
12	Công ty TNHH Minh Đăng	-	Số 83, Đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
13	Doanh nghiệp tư nhân Diệp Thị Bảy	-	xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
14	Công ty Cổ phần CBTS Út Xi	-	Số 24, đường Tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng
15	Doanh nghiệp tư nhân Vựa heo Tý	-	Kinh Thị Đội, Phường 8, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
16	Công ty Cổ phần bia Việt - Đức	-	Số 482 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
17	Công ty TNHH Thực phẩm Năng Đại Dương	-	Số 33 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
18	Công ty TNHH O&H Loong Pty	-	thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

**Phụ lục II. Quản lý chất thải và phế liệu**

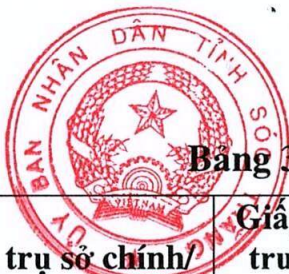
(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng - Công ty CP công trình đô thị Sóc Trăng	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Nhà máy được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp tái chế (phân compost, hạt nhựa)	320 tấn/ngày; địa bàn thành phố Sóc Trăng và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng	Đang hoạt động	

Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (chôn lấp, đốt, công nghệ khác...)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tỉnh không có cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường						

**Bảng 3. Cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu	Đường Nguyễn Huệ thuộc Khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	-	Hệ thống thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại với công suất 20 – 30kg/giờ	Cơ sở y tế trên địa bàn các huyện, thị xã (bao gồm: thị xã Vĩnh Châu, huyện Trần Đề, huyện Cù Lao Dung và xã Gia Hòa II, xã Gia Hòa I, xã Hỏa Tú II, xã Ngọc Đông, xã Ngọc Tổ thuộc huyện Mỹ Xuyên).	
2	Trung tâm y tế thị xã Ngã Năm	Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	-	Hệ thống thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại với công suất 20 – 30kg/giờ	Cơ sở y tế trên địa bàn các huyện, thị xã (bao gồm: thị xã Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, xã Hưng Phú, và xã Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú).	
3	Bệnh viện chuyên khoa Sân Nhi tỉnh Sóc Trăng	Đường Tôn Đức Thắng, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	-	Hệ thống xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại với công suất 35 - 60 kg/giờ	Cơ sở y tế trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm: thành phố Sóc Trăng, huyện Kế Sách, huyện Châu Thành, huyện Long Phú, xã Đại Tâm, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới, xã Tham Đôn, thị trấn Mỹ Xuyên thuộc huyện Mỹ Xuyên, xã Long Hưng, xã Mỹ Thuận, xã Phú Mỹ, xã Thuận Hưng, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa thuộc huyện Mỹ Tú).	
4	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Đường Lê Duẩn, Phường 9, thành phố	-	Lò đốt chất thải, công suất 100 kg/giờ	Xử lý chất thải y tế	



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Sóc Trăng	Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng				



Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn đang hoạt động

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
I	Huyện Trần Đề									
1	Bãi rác tập trung thị trấn Lịch Hội Thượng	Áp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề	1,68	10 - 12	14 - 16	Xã Lịch Hội Thượng, thị trấn Lịch Hội Thượng, xã Viên Bình, xã Liêu Tú và xã Đại Ân 2	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 929/QĐHC-CTUBND ngày 13/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Hoạt động năm 2012	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa nhiều; Năm 2019 huyện giao cho Công ty CP CTĐT Sóc Trăng thu gom, xử lý tại bãi rác.
2	Bãi rác xã Trung Bình	Áp Nhà Thờ, xã Trung Bình, huyện Trần Đề	1,0	6	10 - 12 tấn/ngày	Thị trấn Trần Đề và xã Trung Bình	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định phê duyệt số 1458/QĐ-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã Trung Bình	Hoạt động năm 2010	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa nhiều; Năm 2019 huyện giao cho Công ty CP CTĐT Sóc Trăng thu gom, xử lý tại bãi rác.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
										Phun chế phẩm không định kỳ.
3	Bãi rác xã Tài Văn	Ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, huyện Trần Đề	0,72	3	3-4 tấn/ngày	xã Viên An, xã Tài Văn, xã Thạnh Thới An và 01 phần xã Thạnh Thới Thuận	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Giấy xác nhận số 1313/STNMT-MT ngày 18/7/2018 xác nhận đăng ký đề án BVMT đơn giản.	Hoạt động năm 2017	Đang vận hành; Năm 2019 huyện giao cho Công ty CP CTĐT Sóc Trăng thu gom, xử lý tại bãi rác.
II	Huyện Mỹ Tú									
4	Bãi rác thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa/Bãi rác xã Long Hưng	Ấp Tân Hòa B, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú	0,7	03	13	09/09 xã của huyện	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học. - Lò đốt rác	Quyết định số 194/QĐ-CTUBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Hoạt động năm 2011; đầu tư lò đốt rác năm 2018	- Lò đốt rác thải đang bị hư hỏng. - Bãi rác đang trong tình trạng quá tải.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
III	Huyện Thanh Trị									
5	Bãi rác thị trấn Phú Lộc	Thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị	1,05	4,5	07	thị trấn Phú Lộc	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1413/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị	Hoạt động năm 2007	Khối lượng thu gom hiện nay chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn TPST xử lý; mùi hôi giảm nhiều.
6	Bãi rác xã Tuân Tức	Xã Tuân Tức, huyện Thanh Trị	0,24	0,6-0,7	1,5	Xã Tuân Tức	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1424/QĐ-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã Tuân Tức, huyện Thanh Trị	Hoạt động năm 2011	Đang vận hành, bãi rác quá tải

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
7	Bãi rác xã Thanh Tân	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Trị	0,37	1,5	1,5	Xã Thanh Tân	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1422/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã Tân Thanh, huyện Thanh Trị.	Hoạt động năm 2009	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa trung bình, không quá tải, cơ sở hạ tầng còn tốt.
8	Bãi rác xã Vĩnh Lợi	Xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị	0,40	0,5-0,7	2	Xã Vĩnh Lợi	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1412/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị	Hoạt động năm 2009	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa ít, không quá tải, cơ sở hạ tầng còn tốt
9	Bãi rác xã Lâm Tân	xã Lâm Tân, huyện Thanh	0,45	0,5	1	Xã Lâm Tân	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1271/QĐ-CTUBND	Hoạt động năm 2012	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa ít, không quá tải, cơ sở hạ

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
	Hưng	huyện Thanh Trị				Hưng	phầm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.		năm 2012	chứa trung bình, không quá tải, cơ sở hạ tầng còn tốt.
13	Bãi rác xã Thanh Trị	Xã Thanh Trị, huyện Thanh Trị	0,3	1	1	Xã Thanh Trị	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Kế hoạch BVMT	Hoạt động năm 2019	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa trung bình, không quá tải, cơ sở hạ tầng còn tốt.
14	Bãi rác xã Vĩnh Thành	Xã Vĩnh Thành, huyện Thanh Trị	-	0,5-0,7	0,7	Xã Vĩnh Thành	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	-	2022	Đang vận hành
IV	Huyện Cù Lao Dung									
15	Bãi rác xã An Thạnh 1	Xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao	1,1	1-2	1,5	Xã An Thạnh 1, An Thạnh Tây	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử	-	Hoạt động năm 2012	Đang vận hành, lượng rác ít, không quá tải, hạ tầng còn tương

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
		Trị					lý bằng ao sinh học.	ngày 28/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng		tăng còn tốt
10	Bãi rác thị trấn Hưng Lợi	xã Hưng Lợi, Huyện Thanh Trị	0,53	2	2	Thị trấn Hưng Lợi	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Đang làm điểm trung chuyển rác thải.	Quyết định số 1452/QĐ-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của hệ thống xử lý rác xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị	Hoạt động năm 2008	Đang vận hành, rác chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn TPST xử lý; rác tồn đọng ít, không quá tải
11	Bãi rác xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết, huyện Thanh Trị	0,25	0,6-0,7	1,5	Xã Lâm Kiết	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1423/QĐ-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bãi rác xã Lâm Kiết	Hoạt động năm 2011	Đang vận hành, rác chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn TPST xử lý; đang quá tải.
12	Bãi rác xã Châu	Xã Châu Hưng,	0,52	-	1	Xã Châu	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế		Hoạt động	Đang vận hành, lượng rác lưu

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
		Dung					lý bằng ao sinh học.			đổi tốt và đáp ứng nhu cầu trong thời gian tới.
16	Bãi rác xã An Thạnh 3	Xã An Thạnh 3, Huyện Cù Lao Dung	0,87	01	2,5	xã An Thạnh 3, xã An Thạnh Nam	- Phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học. - Ô chôn lấp hợp vệ sinh	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 phê duyệt Dự án Cải tạo, nâng cấp, bổ sung công trình khắc phục ô nhiễm môi trường tại bãi rác xã An Thạnh 3	Cuối năm 2008, mới cải tạo năm 2020	Không có nhà quản lý, không có khu vực chứa CTNH và ao thu gom nước rỉ rác. Hạ tầng còn tốt đáp ứng nhu cầu trong thời gian tới, lượng rác ít, thành phần rác thải đa dạng: sinh hoạt, rác thải thú y, thủy sản, xác động vật chết. Một bộ phận dân chưa ý thức bỏ rác ngay cổng bãi rác gây mất mỹ quan và khả năng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
										gây ô nhiễm xung quanh
17	Bãi rác thị trấn Cù Lao Dung	Thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung	0,89	5-6	10	TT Cù Lao Dung, xã An Thạnh Đông, xã Đại Ân 1 và một phần xã An Thạnh 2	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.		Hoạt động năm 2007	Đang vận hành, lượng rác lưu chứa nhiều và quá tải, không còn diện tích mở rộng, khả năng ảnh hưởng môi trường đất, nước khu vực xung quanh.
V	Huyện Châu Thành									
18	Bãi rác tập trung huyện Châu Thành	ấp Trà Quýt B, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành	2,29	12	15-20	Tiếp nhận rác của 7/7 xã và 01 thị trấn	- Lò đốt rác - Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 413/QĐHC-CTUBND ngày 18/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Hoạt động năm 2007; đầu tư lò đốt rác năm 2013	- Lò đốt đã hư hỏng, - Bãi rác đã quá tải, lượng rác cũ tồn đọng rất lớn khoảng 21.776,1 m ³ ; ùn ứ rác thải. Mùi hôi phát sinh



TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
										làm ảnh hưởng đến vườn nhà dân và môi trường xung quanh.
VI	TX.Ngã Năm									
19	Bãi rác Phường 2 (trước đây là xã Long Tân)	Tân Thành, phường 2, thị xã Ngã Năm	0,9864	1,0	1,95	Khu vực P.2	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 239/QĐHC-CTUBND ngày 04/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Công trình thu gom, xử lý rác tại xã Long Tân, huyện Ngã Năm”	Hoạt động năm 2010	Đang vận hành.
20	Bãi rác và lò đốt rác xã Tân Long	Ấp Long Thạnh, xã Tân Long, thị xã Ngã	0,87	03	19	Xã Tân Long, Long Bình, Mỹ Qưới và 03 phường (P1, P3).	- Xử lý bằng lò đốt chất thải. - Nước thải xử lý bằng ao sinh học. - Bãi đổ lộ	Quyết định số 240/QĐHC-CTUBND ngày 04/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của	Hoạt động năm 2008, lò đốt rác đầu tư năm	Đang vận hành, chưa quá tải



TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
		Năm					thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	“Công trình thu gom, xử lý rác của xã Tân Long, huyện Ngã Năm”.	2015	
VII	TP.Sóc Trăng									
21	Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng	Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú	27,65	320	215	TP. Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên (TT Mỹ Xuyên, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới), huyện Thạnh Trị (TT Phú Lộc, thị trấn Hưng	- Chôn lấp: Công suất 97,56 tấn/ngày, có lớp lót đáy là màng HDPE dày 2mm, trên có lớp vải địa kỹ thuật và trải đá dăm; có hệ thống thu gom bằng ống nhựa HDPE và xử lý nước rỉ rác. - Compost:	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng	Đầu năm 2017	Đang vận hành.

Sóc Trăng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
						Lợi,) và TX.Vĩnh Châu.	công suất 200 tấn/ngày. - Sản xuất hạt nhựa: Công suất 05 tấn/ngày.			
VIII	Huyện Long Phú									
22	Bãi rác xã Trường Khánh	Xã Trường Khánh, huyện Long Phú	0,75	1	1,5	Xã Trường Khánh và một phần xã Hậu Thạnh	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án khắc phục ô nhiễm môi trường tại bãi rác xã Trường Khánh, huyện Long Phú	Hoạt động năm 2010	Đang vận hành – đã cải tạo 2020
23	Bãi xử lý rác xã Tân Thạnh	Xã Tân Thạnh, huyện Long	0,36	5	3	Xã Tân Thạnh, Tân Hưng và Châu	- Lò đốt rác (đã hư hỏng) - Bãi đổ lộ thiên và phun	Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Hoạt động năm 2013,	Đang vận hành

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
		Phú				Khánh	chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	về việc phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án khắc phục ô nhiễm môi trường tại bãi rác xã Tân Thạnh, huyện Long Phú	đầu tư lò đốt rác năm 2013	
24	Bãi rác thị trấn Đại Ngãi	Thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú	1,2	2	5	Thị trấn Đại Ngãi, 1 phần xã Song Phụng	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 364/QĐHC-CTUBND ngày 03/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã Đại Ngãi, huyện Long Phú	Hoạt động năm 2012	Đang vận hành,
25	Bãi rác thị trấn Long Phú	Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú	1,5	2,5	06	TT Long Phú, 1 phần xã Long Phú	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 330/QĐHC-CTUBND ngày 22/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác	Hoạt động năm 2009	Đang vận hành ổn định, phân loại

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
								thị trấn Long Phú, huyện Long Phú		
26	Bãi xử lý rác tập trung xã Long Đức	Xã Long Đức, huyện Long Phú	2,25	-	01	- Xã Long Đức; dự kiến thu gom xã Phú Hữu	- Bãi đổ lộ thiên và phun chế phẩm sinh học - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chi Bãi xử lý rác tập trung xã Long Đức, huyện Long Phú	Hoạt động năm 2019	Đang vận hành
IX	Huyện Kế Sách									
27	Bãi rác liên xã An Lạc Tây (bãi rác xã Nhơn Mỹ)	Xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách	0,96	08	9	Xã Nhơn Mỹ; An Lạc Tây; thị trấn An Lạc Thôn; Thới An Hội, Trinh Phú;	- Xử lý bằng lò đốt rác và chôn lấp. - Nước rỉ rác xử lý bằng ao sinh học. - Phân loại, tái	Quyết định số 1313/QĐHC-CTUBND ngày 04/02/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Bãi rác xã An Lạc Tây, huyện	Hoạt động năm 2011; được đầu tư lò đốt rác năm	Đang vận hành; đã cải tạo mở rộng, phát sinh mùi hôi và ruồi, lò đốt thường xuyên hư hỏng.



TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
						Xuân Hoà	sử dụng, phun chế phẩm.	Kế Sách	2018	
28	Bãi rác thị trấn Kế Sách	Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	1,0	4,5	09	TT. Kế Sách, xã Kế An, xã Kế Thành	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Phân loại, tái sử dụng - Nước thải xử lý bằng ao sinh học.	Quyết định số 1310/QĐHC-CTUBND ngày 04/02/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công trình nâng cấp, sửa chữa Bãi rác thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	Hoạt động năm 2008	Đã được cải tạo, đang vận hành, còn mùi hôi và ruồi phát sinh.
X	Huyện Mỹ Xuyên									
29	Bãi rác liên xã Ngọc Tố - Hòa Tú 2	Xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên	1,1	04	12	Rác thải từ các xã Ngọc Tố, xã Ngọc Đông, xã Hòa Tú 1,	- Bãi đổ lộ thiên, phun chế phẩm sinh học - Nước thải xử lý bằng ao sinh	Quyết định số 1203/QĐHC-CTUBND ngày 16/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi	Tháng 01/2012	Đang vận hành – rác thải ít



TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất thiết kế (tấn/ngày)	Công suất tiếp nhận, xử lý thực tế (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận rác thải	Công nghệ xử lý	Hồ sơ môi trường	Năm hoạt động	Tình trạng quản lý, hoạt động
						xã Gia Hòa 1, xã Hòa Tú 2	học.	trường chi tiết Bãi rác liên xã Ngọc Tố - Hòa Tú 2		



Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc GXN đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Trên địa bàn tỉnh không có cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất					

**Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh**

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn	Ghi chú
I	Chất thải sinh hoạt					
1	Thành phố Sóc Trăng	52.609	52.083	52.083	100%	
2	Huyện Châu Thành	46.752	37.252	37.252	100%	
3	Huyện Kế Sách	21.335	17.340	17.340	100%	
4	Huyện Mỹ Tú	22.680	15.054	15.054	100%	
5	Huyện Cù Lao Dung	36.249	24.944	24.944	100%	
6	Huyện Long Phú	21.473	14.132	14.132	100%	
7	Huyện Mỹ Xuyên	13.934	9.300	9.300	100%	
8	Thị xã Ngã Năm	23.404	16.713	16.713	100%	Đốt kết hợp chôn lấp hợp vệ sinh
9	Huyện Thạnh Trị	36.215	24.609	24.609	100%	
10	Thị xã Vĩnh Châu	18.847	14.142	14.142	100%	
11	Huyện Trần Đề	27.974	20.035	20.035	100%	
	Tổng	321.470	245.604	245.604		



TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn	Ghi chú
II	Chất thải nguy hại					<i>Trong rác sinh hoạt; thuê đơn vị chức năng xử lý</i>
1	Thành phố Sóc Trăng	431	431	431	-	
2	Huyện Châu Thành	383	383	383	-	
3	Huyện Kế Sách	175	175	175	-	
4	Huyện Mỹ Tú	186	186	186	-	
5	Huyện Cù Lao Dung	297	297	297	-	
6	Huyện Long Phú	176	176	176	-	
7	Huyện Mỹ Xuyên	114	114	114	-	
8	Thị xã Ngã Năm	192	192	192	-	
9	Huyện Thạnh Trị	297	297	297	-	
10	Thị xã Vĩnh Châu	155	155	155	-	



TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn	Ghi chú
11	Huyện Trần Đề	229	229	229	-	
	Tổng	2.636	2.636	2.636	-	

**Bảng 7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh, xử lý năm 2022 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

TT	Tên cơ sở	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhà máy điện gió số 7	15
2	Xí nghiệp An Phú	495
3	Xí nghiệp Tân Long	1.214
4	Trại nuôi Nam Chánh ECO	58
5	Nông trại Xanh	47
6	Trung tâm Y tế thị xã Vĩnh Châu	26.625
7	Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN An Nghiệp	101
8	Trang trại nuôi trồng thủy sản A Sùng	14
9	Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng	21
10	Chi nhánh Sóc Trăng - Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Vinfast	81
11	Công ty TNHH thủy sản Bảo Nhi	2,5
12	Điểm kinh doanh Vin3SST	552
13	Bệnh viện Chuyên khoa mắt tư nhân tỉnh Sóc Trăng	68
14	Kho xăng dầu Sóc Trăng	100
15	Công ty TNHH Broadpeak Sóc Trăng	9.896,5
16	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	3.520
17	Khu sản xuất tôm giống biển	26
18	Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	149
19	Công ty TNHH Khánh Sùng	36

TT	Tên cơ sở	Khối lượng (kg/năm)
20	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	4232,5
21	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng	12,5
22	Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận	45,5
23	Công ty Cổ phần An Hiệp Xanh	25.161
24	Nhà máy xử lý nước mặt An Nghiệp	1,5
25	Nhà máy nước Phường 8	144
26	Trạm cấp nước Đại Ngãi	120
27	Xí nghiệp cấp nước Long Phú	156
28	Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	204
29	Trạm cấp nước thị trấn Lịch Hội Thượng	144
30	Nhà máy nước Khu công nghiệp An Nghiệp	204
31	Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu	168
32	Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm	144,00
33	Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	180,00
34	Trạm cấp nước thị trấn Hưng Lợi	144,00
35	Trạm cấp nước trong khuôn viên TTNN và GDTX huyện Kế Sách	96,00
36	Xí nghiệp cấp nước Trần Đề	165,60
37	Trạm cấp nước Phong Năm	81,60
38	Chi nhánh Công ty TNHH Hồng Đức cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm - Head Hồng Đức 10	24,00



TT	Tên cơ sở	Khối lượng (kg/năm)
39	Hộ kinh doanh Tổ Ngọc	7,00
40	Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất bánh pía - lập xưởng Lương Trân	6,00
41	Hộ kinh doanh Thái Thị Mỹ Nhung	4,00
42	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Duy Tân	3,00
43	Công ty Điện lực Sóc Trăng	207,15
44	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duy Nhật	273,00
45	Nhà máy sản xuất dược phẩm S pharm	716,00
46	Công ty TNHH Tuntex Sóc Trăng Việt Nam	1.010,00
47	Trại nuôi tôm Thanh Nhật	50,00
48	Công ty TNHH Luckytex Sóc Trăng - Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may	263,00
49	Công ty TNHH Bích Ngân	4,50
50	Công ty TNHH Minh Đăng	330,50
51	Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng	16,00
52	Khu nghiên cứu thủy sản - nuôi tôm công nghiệp Vĩnh Thuận	67,00
53	Trang trại chăn nuôi heo Tân Tài Lộc	56,20
54	Siêu thị Coopmart Sóc Trăng	5,00
55	Công ty TNHH chế biến thủy sản xuất khẩu Thảo Nguyên	3,00
56	Xưởng sản xuất hơi nước bão hòa	9,00
57	Bãi rác xã Đại Ngãi	664,00
58	Bãi rác xã Tân Thạnh	531,00

TT	Tên cơ sở	Khối lượng (kg/năm)
59	Bãi rác xã Trường Khánh	405,00
60	Bãi rác thị trấn Long Phú	738,00
61	Bãi rác xã Long Đức	400
62	Chi nhánh 2 Công ty TNHH Thương mại Hồng Đắc	309
63	Công ty TNHH chế biến thủy sản Tấn Tài	2,8
64	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	2.110
65	Công ty TNHH xây dựng sản xuất và thương mại Bích Huyền	15
66	Nhà máy chế biến thủy sản Tin An	100,5
67	Chi nhánh Công ty TNHH Hóa chất HS Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	55.558
68	Xí nghiệp thủy sản Sao Ta	142
69	Nhà máy thủy sản Tam An	
70	Nhà máy nông sản An San	
71	Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú	57,51
72	Công ty TNHH Chế biến nông sản Minh Đức	200
73	Cửa hàng xăng dầu 40	5
74	Công ty Cổ phần Thủy sản Huy Long	83
75	Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech	87
76	Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn	10.500
77	Cửa hàng thức ăn nhanh Jollibee Sóc Trăng	1



TT	Tên cơ sở	Khối lượng (kg/năm)
78	Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại	20
79	Công ty Cổ phần thực phẩm Thái Hòa	328
80	Bãi rác xã Tài Văn	7
81	Bãi rác xã Trung Bình	10
82	Bãi rác thị trấn Lịch Hội Thượng	16
83	Trung tâm Y tế huyện Cù Lao Dung	4.780
84	Trung tâm Y tế thị xã Ngã Năm	12.030
85	Bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi	51.714
86	Trung tâm Y tế huyện Kế Sách	4.291
87	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	190,3
88	Xí nghiệp chế biến thực phẩm Thái Tân	68
89	Công ty TNHH Ngọc Thái	55
90	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm bánh pía Lạp xưởng Tân Huê Viên	300
92	Trang trại chăn nuôi gà thịt Trần Văn Hải	6
93	Hộ chăn nuôi heo Huỳnh Thanh Nhân	12
94	Công ty CP điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	106
	Tổng	223.321,66

**Bảng 8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh, xử lý năm 2023 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
1.	Hộ kinh doanh Trần Phước Toàn	Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà thịt	122,5
2.	Trang trại Chăn nuôi heo Tân Tài Lộc	Ấp Trà Mệt, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi heo	50,8
3.	Công ty TNHH Broadpeak Sóc Trăng	Khu công nghiệp An Nghiệp	May mặc	45.356
4.	Chi nhánh công ty TNHH Hóa chất HS Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất mũ giày, đế giày	10.825,5
5.	Công ty TNHH Tuntex Sóc Trăng Việt Nam	Lô H, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	May mặc	346
6.	công ty TNHH LUCKYTEX Sóc Trăng - Dự án đầu tư xây dựng nhà máy may	Lô H, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	may mặc	38
7.	Công ty Cổ phần may Nhà Bè	Quốc lộ 60, Phường 7, TP Sóc Trăng	may trang phục	21
8.	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	Số 373, đường Phú Lợi, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	5.286
9.	Trung tâm y tế huyện Thạnh Trị	Ấp Trương Hiền, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	6.952,6
10.	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	Ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	4239
11.	Trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung	Đường 30/4, ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	3.568

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
12.	Trung tâm y tế huyện Long Phú	Áp 2, Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	13.950
13.	Trung tâm y tế thị xã Ngã Năm	số 01 Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 1, TX.Ngã Năm	khám chữa bệnh	8.002
14.	Bệnh viện chuyên khoa mắt tư nhân tỉnh Sóc Trăng (Công ty TNHH Sức khỏe vàng)	số 689 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP Sóc Trăng	khám và điều trị các bệnh về mắt	559,5
15.	Ban Dự án Nhiệt điện long Phú PTSC	Áp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Nhiệt điện	2.400
16.	Công ty TNHH Minh Đăng	Số 83, đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	336
17.	Công ty TNHH O&H LOONG PTY	Số 540, đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	198
18.	Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	Km 2132 đường Võ Văn Kiệt, khóm 7, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	3.823
19.	Nhà máy thủy sản Tin An - Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta	Đường N2, Lô N, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	84,6
20.	Công ty TNHH CBTS XK Thảo Nguyên	Lô Q, đường N1, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến, bảo quản thủy sản	38,5
21.	Nhà máy thủy sản Sao Ta - Công ty CTTP Sao Ta	Đường N4, Lô K, Khu công nghiệp An Nghiệp, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	257,5

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
22.	Công ty TNHH CBTS Tấn Tài	Thửa đất 226, Tờ bản đồ số 3, ấp Nhì, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	2,8
23.	Công ty Cổ phần thủy sản Huy Long	Ấp Càng Trần Đề, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	91
24.	Xí nghiệp Tân Long - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Số 220, đường Võ Văn Kiệt, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	1.088
25.	Xí nghiệp An Phú - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	638
26.	Công ty TNHH Khánh Sùng	Số 67 Quốc lộ 1A, ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	36
27.	Công ty Cổ phần Thủy sản sạch Việt Nam	Lô F, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành	nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	986
28.	công ty TNHH Thủy sản Bảo Nhi	ấp Đại Nôn, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề	chế biến thủy sản	
29.	Công ty TNHH chế biến thủy sản HNG	ấp Khu 4, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên	chế biến thủy sản	2,5
30.	Công ty CP thực phẩm Khang An	Lô B, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	sản xuất các mặt hàng thủy sản đông lạnh	76
31.	Công ty TNHH Thủy sản Thanh Nhật	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi tôm	37



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
32.	Trại nuôi Nam Chánh ECO - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	58
33.	Trại nuôi Nông trại xanh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	72
34.	Trại nuôi trồng thủy sản A Sùng - Công ty TNHH Khánh Sùng	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	26
35.	Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng	Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	24
36.	Chi nhánh công ty CP thực phẩm Sao Ta - Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú	thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13, ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, TX.Vĩnh Châu	Nuôi trồng thủy sản	44,482
37.	Khu sản xuất tôm giống biển - Công ty TNHH Thủy Sản Việt Úc - Sóc Trăng	ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, TX.Vĩnh Châu	sản xuất tôm giống	130
38.	khu nghiên cứu thủy sản-nuôi tôm công nghiệp Vĩnh Thuận	khóm Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu	Nuôi trồng thủy sản	30660
39.	Công ty Cổ phần thực phẩm An Khang-Trại nuôi thủy sản K.A farm	ấp Nôpuôl, xã Vĩnh Tân, TX.Vĩnh Châu	Nuôi trồng thủy sản	4,698
40.	Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại dầu khí Cửu long tại Sóc Trăng	Số 379, đường Bạch Đằng, Khóm 6, Phường9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Xăng dầu	100
41.	Cửa hàng xăng dầu số 40 - Công ty Cổ phần xăng dầu khí Sài Gòn	Quốc lộ 1A, ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xăng, dầu	9

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
42.	Công ty TNHH chế biến thực phẩm Duy Tân	số 498 Nguyễn Huệ, khóm 2, phường 9, tp.Sóc Trăng	sản xuất bánh pía, mứt	3
43.	HKD Thái Thị Mỹ Nhung	số 74, ấp Thọ Hòa Đông A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất bánh pía, mứt	1,5
44.	HKD Tổ Ngọc	số 467, ấp An Trạch, Xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thực phẩm	3,5
45.	HKD bánh pía, lập xưởng Lương Trân	Số 418 ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh pía	7
46.	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, đường N4, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất bia	3.374
47.	Công ty TNHH CBNS Minh Đức	KCN An Nghiệp	Chế biến nông sản	200
48.	Nhà máy chế biến thực phẩm bánh Pía, lập xưởng Tân Huê Viên	số 153 QL1A, ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Chế biến thực phẩm	279
49.	Công ty Cổ phần phân bón BIOWAY HITECH	Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh	85
50.	Công ty TNHH Hiệp Thành	Lô 0, đường N4, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất thức ăn thủy sản và chế phẩm sinh học	25

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
51.	Công ty cổ phần năng lượng Sóc Trăng	Thửa đất số 784, Tờ bản đồ số 44, ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Điện gió	14836,5
52.	Công ty TNHH Điện Gió Hòa Đông 2	Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 8, ấp Lầm Thiết, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Điện gió	50
53.	Nhà máy sản xuất dược phẩm S.PHARM - Công ty cổ phần dược S.PHARM	Đường D1, Lô G, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất dược phẩm	376,3
54.	Công ty cổ phần Dược S.PHARM	đường D1, lô G, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Sản xuất dược phẩm	367,3
55.	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp	Đường N1 Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý nước thải	74
56.	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt TPST - Công ty Cổ phần CTĐT Sóc Trăng	Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý nước thải	
57.	Chi nhánh tại tỉnh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Vincom Retail	Thửa đất số 310, Tờ bản đồ số 48, đường Trần Hưng Đạo, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Trung tâm thương mại	74
58.	Địa điểm kinh doanh chi nhánh công ty TNHH JOLLIBEE Việt Nam tại Sóc Trăng-Cửa hàng thức ăn nhanh JOLLIBEE Sóc Trăng	số 116 Lý Thường Kiệt, Phường 1, tp.Sóc Trăng	kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công thương	1



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
			(kinh doanh gà rán Jollibee)	
59.	Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng (công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn-Sóc Trăng)	số 06, Hùng Vương, phường 6, tp.Sóc Trăng	kinh doanh, bán lẻ	2
60.	Cửa hàng Hồng Đức 10	ấp Trà Quýt A, TT Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Mua bán và sửa chữa xe	20
61.	Chi nhánh 2-công ty TNHH TM Hồng Đắc	số 74 Hùng Vương, Phường 6, tp.Sóc Trăng	Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy và phụ tùng	209
62.	Nhà máy xử lý CTR TPST - Công ty Cổ phần CTĐT Sóc Trăng	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý chất thải rắn	41
63.	Bãi rác xã Trung Bình - Phòng TN&MT huyện Trần Đề	Huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý chất thải rắn	8
64.	Bãi rác xã Tài Văn - Phòng TN&MT huyện Trần Đề	Xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý chất thải rắn	8
65.	Bãi rác Thị trấn Lịch Hội Thượng - Phòng TN&MT huyện Trần Đề	Thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý chất thải rắn	20
66.	Công ty TNHH SX&TM Duy Nhật	Lô O, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất bao bì nhựa	170
67.	Công ty cổ phần An Hiệp Xanh	Lô A, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Thuốc BVTV	39960



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
68.	Công ty quản lý tài sản Viettel - Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông Quân Đội	Số 84, đường Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng	Kinh doanh bất động sản	37
69.	Công ty cổ phần bê tông Hà Thanh	Ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Khu công nghiệp Trần Đề	133
70.	Trạm 110 KV cù Lao Dung và Đường dây 110 KVTrần Đề - Cù Lao Dung năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	-	Điện	19,8
71.	Trạm 110 KV Thạnh Trị năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Điện	33
72.	Trạm 110 KV Vĩnh Châu năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Khu 2, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Điện	38,4
73.	Trạm 110 KV Mỹ Xuyên năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Ấp Hòa Đặng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Điện	29,4
74.	Trạm 110 KV Sóc Trăng năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Quốc lộ 1A, Khóm 4, Phường2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Điện	27,6
75.	Trạm 110 KV Đại Ngãi năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Ấp Ngãi Phước, Thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Điện	22,8
76.	Trạm 110 KV Mỹ Tú năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	Ấp Trà Côi A1, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Điện	25,2
77.	Trạm 110 KV Trần Đề năm 2023 - Công ty điện lực Sóc Trăng	-	Điện	26,4



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (kg/năm)
78.	Trạm biến áp 500 kV Long Phú-Truyền tải điện Miền Tây 1-Công ty truyền tải điện 4	ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Ttruyền tải điện năng cấp điện áp 500kV, 220kV	6,4
	Tổng	-	-	201.134

**Bảng 9. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
1	Trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy	Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà thịt	17147,2
2	Trại chăn nuôi gà thịt Ngô Văn Chát	Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà thịt	126,24
3	Trại chăn nuôi gà hậu bị Thoan Phụng	Ấp Trà Canh A1, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà hậu bị	121
4	Trại chăn nuôi gà đẻ trứng Nguyễn Văn Thoan	Ấp Trà Canh A1, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà đẻ trứng	323
5	Hộ kinh doanh Trần Phước Toàn	Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chăn nuôi gà thịt	408,28
6	Công ty TNHH Broadpeak Sóc Trăng	Khu công nghiệp An Nghiệp	May mặc	795,851
7	Chi nhánh công ty TNHH Hóa chất HS Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất mũ giày, đế giày	31,49
8	Công ty TNHH Tuntex Sóc Trăng Việt Nam	Lô H, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	May mặc	37263
9	công ty TNHH LUCKYTEX Sóc Trăng - Dự án đầu tư xây dựng nhà máy may	Lô H, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	may mặc	189,127
10	Công ty Cổ phần may Nhà Bè	Quốc lộ 60, Phường 7, TP Sóc Trăng	may trang phục	42,409

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
11	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	Số 373, đường Phú Lợi, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	5,865
12	Trung tâm y tế huyện Thạnh Trị	Ấp Trương Hiền, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	0,6
13	Trung tâm y tế huyện Kế Sách	Ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	62,347
14	Trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung	Đường 30/4, ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	0,675
15	Trung tâm y tế huyện Long Phú	Ấp 2, Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Y tế	39,408
16	Trung tâm y tế thị xã Ngã Năm	số 01 Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 1, TX.Ngã Năm	khám chữa bệnh	28
17	Bệnh viện chuyên khoa mắt tư nhân tỉnh Sóc Trăng (Công ty TNHH Sức khỏe vàng)	số 689 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP Sóc Trăng	khám và điều trị các bệnh về mắt	0,735
18	Công ty TNHH Minh Đăng	Số 83, đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	270
19	Công ty TNHH O&H LOONG PTY	Số 540, đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	644,759



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
20	Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	Km 2132 đường Võ Văn Kiệt, khóm 7, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	502,339
21	Nhà máy thủy sản Tin An - Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta	Đường N2, Lô N, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	542,7
22	Công ty TNHH CBTS XK Thảo Nguyên	Lô Q, đường N1, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến, bảo quản thủy sản	10
23	Nhà máy thủy sản Sao Ta - Công ty CTTP Sao Ta	Đường N4, Lô K, Khu công nghiệp An Nghiệp, Khóm 2, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	1794,969
24	Công ty TNHH CBTS Tấn Tài	Thửa đất 226, Tờ bản đồ số 3, ấp Nhì, xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	146,18



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
25	Công ty Cổ phần thủy sản Huy Long	Ấp Cảng Trần Đề, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	43,8375
26	Xí nghiệp Tân Long - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Số 220, đường Võ Văn Kiệt, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	1830
27	Xí nghiệp An Phú - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	5130
28	Công ty TNHH Khánh Sùng	Số 67 Quốc lộ 1A, ấp Tâm Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Chế biến thủy sản	92
29	Công ty Cổ phần Thủy sản sạch Việt Nam	Lô F, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành	nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	10566
30	công ty TNHH Thủy sản Bảo Nhi	ấp Đại Nôn, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề	chế biến thủy sản	7,016
31	Công ty TNHH chế biến thủy sản HNG	ấp Khu 4, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên	chế biến thủy sản	51,4

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
32	Công ty CP thực phẩm Khang An	Lô B, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	sản xuất các mặt hàng thủy sản đông lạnh	1365
33	Công ty TNHH Thủy sản Thanh Nhật	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi tôm	2884,636
34	Trại nuôi Nam Chánh ECO - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	11501
35	Trại nuôi Nông trại xanh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	10351
36	Trại nuôi trồng thủy sản A Sùng - Công ty TNHH Khánh Sùng	Ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	57
37	Công ty TNHH Ngọc Thuận Hưng	Ấp Giồng Chát, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	41,16

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
38	Khu sản xuất tôm giống biển - Công ty TNHH Thủy Sản Việt Úc - Sóc Trăng	ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, TX.Vĩnh Châu	sản xuất tôm giống	5,704
39	Công ty TNHH Vân Anh	Số 125-127 Trương Công Định, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Kinh doanh xăng dầu	0,048
40	Cửa hàng xăng dầu số 40 - Công ty Cổ phần xăng dầu khí Sài Gòn	Quốc lộ 1A, ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xăng, dầu	1,825
41	Công ty TNHH chế biến thực phẩm Duy Tân	số 498 Nguyễn Huệ, khóm 2, phường 9, tp.Sóc Trăng	sản xuất bánh pía, mứt	0,18
42	HKD Thái Thị Mỹ Nhung	số 74, ấp Thọ Hòa Đông A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất bánh pía, mứt	1,8
43	HKD bánh pía, lập xưởng Lương Trân	Số 418 ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh pía	3,65



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
44	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, đường N4, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất bia	7961
45	Công ty TNHH CBNS Minh Đức	KCN An Nghiệp	Chế biến nông sản	200,3
46	Nhà máy chế biến thực phẩm bánh Pía, lập xưởng Tân Huê Viên	số 153 QL1A, ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Chế biến thực phẩm	186,15
47	Công ty Cổ phần phân bón BIOWAY HITECH	Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh	6
48	Công ty cổ phần năng lượng Sóc Trăng	Thửa đất số 784, Tờ bản đồ số 44, ấp Âu Thọ B, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Điện gió	168

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
49	Công ty TNHH Điện Gió Hòa Đông 2	Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 8, ấp Lãm Thiệt, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Điện gió	60
50	Nhà máy sản xuất dược phẩm S.PHARM - Công ty cổ phần dược S.PHARM	Đường D1, Lô G, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất dược phẩm	2
51	Công ty cổ phần Dược S.PHARM	đường D1, lô G, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành	Sản xuất dược phẩm	1,5
52	Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp	Đường N1 Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý nước thải	8886
53	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt TPST - Công ty Cổ phần CTĐT Sóc Trăng	Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý nước thải	438
54	Siêu thị Co.opmart Sóc Trăng (công ty TNHH MTV Thương mại Sài Gòn-Sóc Trăng)	số 06, Hùng Vương, phường 6, tp.Sóc Trăng	kinh doanh, bán lẻ	36,738



TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loại hình	Khối lượng (tấn/năm)
55	Công ty TNHH Đầu tư sản xuất thương mại Anh Châu	Lô K, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Cung ứng hơi nước bão hòa	30
56	Nhà máy xử lý CTR TPST - Công ty Cổ phần CTĐT Sóc Trăng	Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Xử lý chất thải rắn	82125
57	Công ty cổ phần An Hiệp Xanh	Lô A, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Thuốc BVTV	2,02
	Tổng			204.532



Phụ lục III. Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị từ loại IV trở lên (m ³ /ngày đêm)						Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)						Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường					
	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
Toàn tỉnh	20.945												20.964					
Thành phố Sóc Trăng				11.531			5.850			5.850						11.520,32*		
Thị xã Vĩnh Châu						6.291												6.291
Thị xã Ngã Năm						3.142												3.142

Ghi chú: “*” Xử lý tại chỗ, sau đó thu gom về Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt Thành phố Sóc Trăng

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích
Không có								

Bảng 2. Số liệu tổng hợp về các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES và động vật rừng thông thường

Tên loài nuôi			Số lượng			Ghi chú
TT	Tên thông thường	Tên khoa học	Tổng số cá thể	Tổng số cơ sở nuôi	Số cơ sở đã đăng ký mã số	
I	Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES					
01	Cá Sấu nước ngọt	Crocodylus siamensis	20.914	49		
02	Trăn đất	Python molurus	955	7	5	
03	Trăn gấm	Python reticulatus	527	3	3	
04	Cua đỉnh	Amyda cartilaginea	1.707	13	12	
05	Rùa đất lớn	Heosemys grandis	40	1	1	
06	Cầy vòì hương	Paradoxurus hermaphroditus	464	70	69	
07	Rắn hổ mang	Naja naja	6.631	7	6	
08	Rắn ráo trâu	Ptyas mucosus	170	2	2	
09	Khỉ đuôi dài	Macaca fassicularis	2	1		
10	Ba ba gai	Palea steindachneri	1.000	1	1	
11	Kỳ đà hoa	Varanus salvator	4	1	1	
12	Chim Công Ấn Độ	Pavo cristatus	9	2	2	
II	Động vật rừng thông thường					
01	Hươu sao	Cervus nippon	18	4		
02	Dúi mốc	Rhizomys pruinosus	18	2		
03	Dúi má vàng	Rhizomys sumatrensis	49	1		

TT	Tên loài nuôi		Số lượng			Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học	Tổng số cá thể	Tổng số cơ sở nuôi	Số cơ sở đã đăng ký mã số	
04	Nhím	Hytrix brachyura	92	11		
05	Chim trĩ đỏ	Phasianus colchicus	1.805	6		
06	Ba ba trơn	Pelodiscus sinensis	32.222	3		
07	Heo rừng	Sus scrofa	167	5		
08	Rắn bông voi		135	1		
09	Le le	Sacselle	288	3		
10	Rắn sọc dưa	Elaphe radiata	25	1		
11	Rắn ri voi	Enhydris bocourti	11	1		
12	Rắn ri cá	Homalopsis buccata	7	1		
13	Rắn ráo	Ptyas korros	28	1		
14	Rắn hổ hành	Senopeltnis unicolor	19	1		
15	Trích cồ		44	2		
Tổng			67.351	200	102	Thực tế có 177 cơ sở gây nuôi và 99 cơ sở đã được cấp mã số (Lý do: có trường hợp 01 cơ sở nuôi nhiều loài khác nhau)





Bảng 3. Danh mục tại khu vực rừng tràm Mỹ Phước (Nguồn: Dự án Thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước)

S TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt	Danh lục đỏ IUCN 2018	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP	Ghi chú
1	Trăn đất	Python molurus	CR	VU	-	
2	Rắn ráo	Ptyas korros	EN	-	-	
3	Rắn hổ mang	Naja kaouthia	EN	LC	X	
4	Rái cá vuốt bé	Aonyx cinerea	VU	VU	X	
5	Chim Cỏ rắn	Anhinga melanogaster	VU	NT	-	
6	Ếch giun nguyên	Ichthyophis nuyenor	-	LC	-	
7	Rắn sọc dưa	Coelognathus radiatus	VU	LC	-	
8	Rắn bông voi	Enhydris bocourti	VU	LC	-	
9	Rùa hộp lưng đen	Cuora amboinensis	VU	VU	-	
10	Rùa ba gờ	Malayemys subtrijuga	CR	VU	-	
11	Cá lòng tong đỏ	Boraras urophthalmoides	-	NT	-	
12	Cá trê vàng	Clarias macrocephalus	-	NT	-	

Ghi chú: CR = Rất nguy cấp, EN = Nguy cấp, VU = Sẽ nguy cấp, NT: Gần nguy cấp, LR= Sắp bị đe dọa, LC = ít lo ngại, X = Thuộc danh mục, “-” = Không thuộc danh mục

Bảng 4. Danh mục tại khu vực rừng rừng ngập mặn huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề (Nguồn: Dự án Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP	Ghi chú
1	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx cinerea</i> Illiger	VU	VU	X	
2	Dơi ngựa Thái Lan	<i>Pteropus lylei</i> Andersen	-	VU	-	
3	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i> Linnaeus	-	NT	-	
4	Dơi chó cánh ngắn	<i>Cynopterus brachyotis</i> Muller	VU	-	-	
5	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonia</i> Blyth	VU	VU	-	
6	Choắt mỏ cong lớn	<i>Numenius arquata</i> (Linnaeus, 1758)	-	NT	-	
7	Choắt lùn đuôi xám	<i>Tringa brevipes</i> (Vieillot, 1816)	-	NT	-	
8	Cốc đế, Bạc má	<i>Phalacrocorax carbo</i> (Linnaeus, 1758)	R	-	-	
9	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus)	VU	-	-	
10	Kỳ đà nước	<i>Varanus salvator</i> (Laurenti)	EN	LC	-	
11	Rắn sọc xanh	<i>Ahaetulla prasina</i> (Boie)	VU	LC	-	
12	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie)	VU	LC	-	
13	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel)	EN	-	-	
14	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosa</i> (Linnaeus)	EN	-	-	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP	Ghi chú
15	Rắn hổ mang	Naja atra Cantor	-	VU		
16	Rắn hổ chúa	Ophiophagus Hannah Cantor	EN	VU	X	
17	Trăn đất	Python molurus (Linnaeus)	CR	VU	-	
18	Vích	Chelonia mydas (Linnaeus)	EN	EN	X	
19	Ba ba gai	Palea steindachneri (Siebenrock)	VU	EN	-	
20	Cá cháo lớn	Megalops cyprinoides(Broussonet, 1782)	VU	-	-	
21	Cá cháo biển	Elops saurusLinnaeus, 1766	VU	LC	-	
22	Cá măng sữa	Chanos chanos (Forsskal, 1775)	VU	LC	-	
23	Cá hường sọc xiên	Datnioides polota(Hamilton, 1822)	VU	LC	-	
24	Cá mang rô	Toxotes chatareus (Hamilton, 1822)	VU	LC	-	
25	Sam ba đuôi	Tachypleus tridentatus	VU	EN	-	
26		Vestalis gracilis (Rambur, 1842)	-	LC	-	
27		Agriocnemis femina (Brauer, 1868)	-	LC	-	
28		Brachythemis contaminata (Fabricius, 1793)	-	LC	-	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP	Ghi chú
29		Neurothemis fluctuans (Fabricius, 1793)	-	LC	-	
30		Orthetrum sabina (Drury, 1773)	-	LC	-	
31		Pantala flavescens (Fabricius, 1798)	-	LC	-	
32		Copera marginipes (Rambur, 1842)	-	LC	-	

Ghi chú: R: Hiếm; CR=rất nguy cấp; EN=nguy cấp VU=sẽ nguy cấp; NT= sắp bị đe dọa; LC=ít quan tâm; X = Thuộc danh mục, = Không thuộc danh mục



**Phụ lục V. Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm**

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
I	Báo cáo đánh giá tác động môi trường			
1	Công trình cấp nước tập trung xã Mỹ Thuận	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình hạ tầng kỹ thuật	Đã có Quyết định phê duyệt ĐTM
2	Công trình cấp nước tập trung xã Kế Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình hạ tầng kỹ thuật	Đã có Quyết định phê duyệt ĐTM
3	Công trình cấp nước tập trung xã Lâm Tân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình hạ tầng kỹ thuật	Đã có Quyết định phê duyệt ĐTM
4	Dự án Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	UBND huyện Thạnh Trị	Dự án hạ tầng kỹ thuật	Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 04/11/2022
5	Dự án Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dịch vụ và cư xá công nhân Khu công nghiệp An Nghiệp, Tỉnh Sóc Trăng	Ban quản lý Dự án 2, tỉnh Sóc Trăng	Dự án hạ tầng kỹ thuật	Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 03/11/2022
6	Dự án Xử lý ô nhiễm môi trường Bãi rác xã Nhơn Mỹ	Phòng TNMT huyện Kế Sách		Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 09/12/2022
7	Dự án Nhà máy điện gió Sông Hậu	Công ty TNHH Điện gió sông Hậu		Quyết định số 19/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng
8	Dự án Công trình Mở rộng đường ống cấp nước	Sở Nông nghiệp và		Quyết định số 116/QĐ-UBND



STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
	tập trung xã Châu Hưng	Phát triển nông thôn		ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng
9	Dự án nâng cấp, mở rộng bãi rác Thuận Hòa	Phòng TNMT huyện Châu Thành		Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 01/3/2023
10	Tiểu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư phục vụ dự án thành phần 4 thuộc dự án xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Ban Quản lý dự án 2	Dự án về cơ sở hạ tầng	Đã có Quyết định phê duyệt ĐTM
11	Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa đường tỉnh 938 (đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến giao ĐT, 938); Đường tỉnh 939 (từ cầu Bung Cốc đến thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa), tỉnh Sóc Trăng	Ban Quản lý dự án 2	Dự án giao thông	Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 09/3/2023
12	dự án “Trại chăn nuôi heo – gà Trần Minh Hoàng”	Hộ chăn nuôi Trần Minh Hoàng	Dự án chăn nuôi	Công văn số 685/STNMT ngày 24/3/2023 về việc trả hồ sơ báo cáo ĐTM dự án
13	Dự án Nông trại xanh	Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 06/4/2023
14	Dự án Trang trại nuôi tôm thương phẩm	Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 13/4/2023



STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
15	Dự án Kho trung chuyển xăng dầu, Nhà máy phối trộn xăng sinh học, Trạm chiết nạp gas, Trạm cung cấp xăng dầu sinh học	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư dầu khí Nam sông Hậu	Công nghiệp	Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
16	Dự án đầu tư xây dựng Công trình gia cố và di dời các hộ dân ven sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Ban Quản lý dự án 2		Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 09/8/2023
17	Dự án khai thác mỏ cát san lấp trên lòng sông Hậu khu vực xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hòa Tuấn	Khai thác khoáng sản	Thông báo số 2480/TB-STBMT-MT ngày 18/9/2023 hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết
18	Dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ		Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng
19	Đường Huyện 80, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	UBND huyện Mỹ Tú	Giao thông	Đã có Quyết định phê duyệt ĐTM
20	Dự án Đường huyện 3 (Tha la - Cái Trâm - Lầu Ba), huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Ban Quản lý dự án 2	Giao thông	Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 17/11/2023

STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
21	Dự án Nạo vét Hệ thống thủy lợi kênh trục tạo nguồn, trữ ngọt kết hợp phòng chống ngập úng, hạn mặn thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (lần 3)	Ban Quản lý dự án 2	Thủy lợi	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 17/11/2023
III	Thủ tục cấp Giấy phép môi trường			
1	Dự án Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	Công ty Trách nhiệm hữu hạn O&H LOONG PTY	Chế biến thủy sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 122/GPMT-UBND ngày 27/12/2022
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Sóc Trăng	Công an tỉnh Sóc Trăng	Dự án xây dựng	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 123/GPMT-UBND ngày 30/12/2022
3	Nhà máy chế biến thực phẩm	Công ty Cổ phần thực phẩm Thái Hòa	Chế biến thủy sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 03/GPMT-UBND ngày 17/01/2023
4	Khu sản xuất tôm giống biển	Công ty TNHH Việt Úc – Sóc Trăng	Sản xuất tôm giống	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 09/GPMT-UBND ngày 10/02/2023
5	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Thanh Chiến	Hộ chăn nuôi heo Nguyễn Thanh Chiến	Chăn nuôi gia súc	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 10/GPMT-UBND ngày 13/02/2023
6	Nhà máy thủy sản Sao Ta	Công ty Cổ phần thực	Chế biến thủy, hải	UBND tỉnh đã cấp GPMT số

STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
		phẩm Sao Ta	sản	11/GPMT-UBND ngày 28/02/2023
7	Nhà máy điện gió Lạc Hòa	Công ty TNHH Phong điện Lạc Hòa	Dự án năng lượng	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 14/GPMT-UBND ngày 08/03/2023
8	Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu Hải Trí	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hải Trí	Chế biến thủy, hải sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 15/GPMT-UBND ngày 08/03/2023
9	Nhà máy điện gió Hòa Đông	Công ty TNHH Phong điện Hòa Đông	Dự án năng lượng	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 16/GPMT-UBND ngày 08/03/2023
10	Trang trại chăn nuôi gà thịt Bùi Thị Miên	Hộ kinh doanh Bùi Thị Miên	Chăn nuôi gia cầm	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 28/GPMT-UBND ngày 06/04/2023
11	Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu	Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Tài Kim Anh	Chế biến thủy, hải sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 33/GPMT-UBND ngày 25/05/2023
12	Nhà máy in và sản xuất bao bì Duy Nhật	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duy Nhật	In ấn và sản xuất các loại bao bì	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 34/GPMT-UBND ngày 29/05/2023
13	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	Công ty TNHH Một thành viên Phương	Khám, chữa bệnh	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 35/GPMT-UBND ngày



STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
		Châu Sóc Trắng		29/05/2023
14	Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu	Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Thế Hệ Mới	Chế biến thủy, hải sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 36/GPMT-UBND ngày 05/06/2023
15	Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy	Hộ kinh doanh nước đá trung tâm	Chăn nuôi gia cầm	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 37/GPMT-UBND ngày 13/06/2023
16	Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng	Đầu tư xây dựng	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 42/GPMT-UBND ngày 10/07/2023
17	Nhà máy đông lạnh An Phú	Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	Chế biến thủy, hải sản	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 45/GPMT-UBND ngày 06/9/2023
18	Nhà máy sản xuất thức ăn cho tôm thịt, cá, vi sinh xử lý môi trường cho tôm, cá	Công ty TNHH Hiệp Thành	Sản xuất thức ăn thủy sản (phối trộn và chiết rót từ nguồn nguyên liệu nhập sẵn)	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 47/GPMT-UBND ngày 18/9/2023
19	Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 49/GPMT-UBND ngày 21/9/2023



STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
			mại	
20	Nhà máy điện gió số 07	Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng	Dự án điện	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 52/GPMT-UBND ngày 27/10/2023
21	Bệnh viện Chuyên khoa Sản – Nhi, tỉnh Sóc Trăng	Bệnh viện Chuyên khoa Sản – Nhi, tỉnh Sóc Trăng	Cơ sở khám, chữa bệnh	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 54/GPMT-UBND ngày 13/11/2023
22	Nhà máy may Nhà Bè – Sóc Trăng	Công ty Cổ phần May Nhà Bè Sóc Trăng	May gia công	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 56/GPMT-UBND ngày 24/11/2023
23	Dự án Nhà máy sản xuất bao bì	Công ty TNHH Tập đoàn Vinh Cơ Sóc Trăng	Sản xuất bao bì, manh, drap	UBND tỉnh đã cấp GPMT số 57/GPMT-UBND ngày 04/12/2023
III	Giấy phép môi trường cấp huyện			
1	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Cù Lao Dung	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cù Lao Dung	Trung tâm Văn Hóa	Huyện Cù Lao Dung
2	Hệ thống xử lý nước thải chợ An Thạnh 3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cù Lao Dung	Xử lý nước thải	Huyện Cù Lao Dung
3	Hệ thống xử lý nước thải Trạm y tế	Phòng Tài nguyên và	Xử lý nước thải	Huyện Cù Lao Dung

STT	Tên dự Án	Chủ đầu tư	Loại hình	Ghi Chú
		Môi trường huyện Cù Lao Dung		
4	DNTN Cù - Mũi	DNTN Cù - Mũi	Cửa hàng xăng dầu	Huyện Mỹ Tú
5	Cửa hàng xăng dầu ST3	Công ty ST3	Cửa hàng xăng dầu	Huyện Châu Thành
6	Cửa hàng xăng dầu	Công ty SE	Cửa hàng xăng dầu	Thị xã Ngã Năm
7	Dự án sản xuất phân bón	Công ty 3 con cò Việt Pháp	Phối trộn phân bón	Thị xã Ngã Năm
8	Cửa hàng xăng dầu số 15	-	Cửa hàng xăng dầu	Huyện Thạnh Trị
9	Cửa hàng xăng dầu số 14	-	Cửa hàng xăng dầu	Huyện Thạnh Trị
10	Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Vĩnh Thạnh Phát	Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Vĩnh Thạnh Phát	Vật liệu xây dựng	Huyện Thạnh Trị
11	Cơ sở sản xuất Chitin	DNTN Võ Kim Gia	Sản xuất Chitin	Huyện Trần Đề
12	Cửa hàng xăng dầu	Công ty Tiến Thuận	Cửa hàng xăng dầu	Huyện Trần Đề
13	Trại chăn nuôi gà thịt	Công ty Hoàng Long	Chăn nuôi gà	Huyện Trần Đề
14	Cửa hàng xăng dầu số 9	Công ty Petrolimex	Cửa hàng xăng dầu	Thành phố Sóc Trăng

**Phụ lục VI. Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm**

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng) (nếu có)	Các vi phạm chính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Xử phạt 02 cơ sở	-	110.000.000	Thực hiện không đúng nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường; không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường xử phạt



Phụ lục VII. Hiện trạng các điểm quan trắc trên địa bàn

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Tên trạm/điểm quan trắc	Loại quan trắc							Số trạm/ vị trí quan trắc	
	Nước mặt	Nước dưới đất	NBVB	Nước mưa	Đất	Trầm tích	KKXQ và tiếng ồn	Quan trắc thủ công	Quan trắc tự động
Thành phố Sóc Trăng	3	3		1		1		8	2
Thị xã Vĩnh Châu	4	2	2	1	2	1		12	1
Thị xã Ngã Năm	3	1		1	1		1	7	
Huyện Mỹ Xuyên	5	4			1		1	11	
Huyện Thạnh Trị	3	1			1			4	
Huyện Mỹ Tú	3	1					1	5	
Huyện Châu Thành	2	1			2	1	2	8	
Huyện Trần Đề	4	2	1			1	1	9	
Huyện Cù Lao Dung	2	2	2		1			9	
Huyện Kế Sách	4	2			1		2	9	
Huyện Long Phú	2	2			1	1		6	1
Tổng cộng	35	21	5	3	10	5	8		

Phụ lục VIII. Thông tin về các điểm quan trắc

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
I	Môi trường nước mặt							
1.	Kênh Xáng	NM1	Nhiệt độ, DO, pH, TSS, BOD ₅ , COD, N-NO ₂ ⁻ , N-NO ₃ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Cl ⁻ , Fe tổng, TOC, tổng dầu mỡ, Coliforms, ĐVN, TVN, ĐVĐ.	Cầu Kênh Xáng khu vực Phường 7 Tp. Sóc Trăng, tiếp nhận nước thải từ các hoạt động sản xuất thủy sản và 1 phần nước thải sinh hoạt khu vực đô thị.	550.909	1.062.777	6	Kênh Xáng
2.	Kênh 30/4 - Phú Tân ^(*)	NM36	nt	Đoạn kênh chảy qua khu vực xã Phú Tân, kênh chính trên địa bàn huyện Châu Thành trước khi tiếp giáp với thành phố Sóc Trăng. Chịu tác động của khu vực chăn nuôi, trồng lúa và hoạt động sản xuất công nghiệp.	549.094	1.068.929	nt	Kênh 30/4
3.	Kênh 30/4	NM2	nt	Kênh 30/4 khu vực Phường 6 Tp. Sóc Trăng, tiếp nhận nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp (Khu công nghiệp An Nghiệp) và hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực giáp ranh với huyện Châu Thành.	551.142	1.065.573	nt	Kênh 30/4

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
4.	Sông Maspero khu vực khán đài	NM3	nt	Sông Maspero chảy từ khu vực trung tâm thành phố Sóc Trăng đến khu vực Phường 4 qua Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt. Tiếp nhận nước thải khu vực đô thị từ các hoạt động buôn bán, dân sinh và đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt.	554.351	1.061.974	nt	Sông Maspero
5.	Kênh Thanh Lợi	NM5	nt	Kênh Thanh Lợi khu vực thị trấn Mỹ Xuyên, tiếp nhận nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp (chế biến thủy sản) và đô thị.	554.795	1.056.295	nt	Kênh Thanh Lợi
6.	Kênh TX Vĩnh Châu	NM7	nt	Cầu Vĩnh Châu, quan trắc chất lượng nước khu vực thị xã Vĩnh Châu.	552.704	1.030.951	nt	Kênh Vĩnh Châu
7.	Sông Saintard	NM8	nt	Cầu Saintard, sông Saintard nhánh của sông Hậu chảy vào khu vực xã Tân Thạnh huyện Long Phú, gần Công ty Cổ phần mía đường Sóc Trăng.	558.930	1.063.825	nt	Sông Saintard
8.	Kênh số 1 TT Kế Sách	NM9	nt	Kênh số 1 chảy từ rạch Mọp qua khu vực trung tâm thị trấn Kế Sách.	553.387	1.080.028	nt	Kênh số 1
9.	Sông Bến Bà, TT Cù	NM10	nt	Cầu Bến Bà tại thị trấn Cù Lao Dung, kênh cấp nước cho khu vực sản xuất	572.486	1.068.642	nt	Sông Bến Bà

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
	Lao Dung			nông nghiệp.				
10.	Sông Nhu Gia	NM11	nt	Cầu Nhu Gia tại xã Thạnh Phú, kênh cấp nước cho khu vực sản xuất nông nghiệp.	538.654	1.050.457	nt	Sông Nhu Gia
11.	Kênh Xáng Mỹ Phước ^(*)	NM31	nt	Kênh Xáng Mỹ Phước, chảy từ sông Nhu Gia vào xã Mỹ Phước, nơi tiếp nhận nước từ rừng tràm chảy ra; cấp nước cho khu vực sản xuất nông nghiệp.	529.023	1.059.014	nt	Kênh Xáng Mỹ Phước
12.	Kênh TT Phú Lộc	NM12	nt	Khu vực chợ thị trấn Phú Lộc, tiếp nhận nước thải sinh hoạt khu vực đô thị.	526.754	1.042.611	nt	Kênh Phú Lộc
13.	Kênh Quản lộ Phụng Hiệp ^(*)	NM32	nt	Kênh Quản lộ Phụng Hiệp khu vực bên phà tại chợ Long Hưng giáp với chợ Búng Tàu – Hậu Giang.	530.201	1.073.250	nt	Kênh Quản lộ Phụng Hiệp
14.	Kênh Xáng Nàng Rền ^(*)	NM29	nt	Kênh Xáng Nàng Rền, đoạn ngã 3 tiếp giáp với kênh Quản lộ Phụng Hiệp. Kênh cấp nước chính cho khu vực phường 3, Mỹ Bình để sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, giáp ranh với tỉnh Bạc Liêu.	506.524	1.053.160	nt	Kênh Xáng Nàng Rền
15.	Kênh TX Ngã 5	NM13	nt	Kênh chảy qua trung tâm thị xã Ngã Năm tại khu vực chợ.	510.756	1.057.323	nt	Kênh Xáng Ngã 5 – Phú Lộc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
16.	Sông Hậu tại Cái Côn	NM14	nt	Cầu Cái Côn, đoạn sông Hậu chảy qua xã An Lạc Thôn, tiếp giáp với tỉnh Hậu Giang.	542.917	1.097.722	nt	Sông Hậu
17.	Sông Hậu – xã Nhơn Mỹ	NM4	nt	Rạch Mọp chảy từ sông Hậu vào xã Nhơn Mỹ. Đoạn giáp xã Nhơn Mỹ huyện Kế Sách và xã Song Phụng huyện Long Phú.	559.100	1.080.976	nt	Sông Hậu
18.	Sông Hậu - xã An Thanh I ^(*)	NM39	nt	Sông chảy qua địa phận tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Trà Vinh, đoạn bên phà Đại Ngãi thuộc xã An Thanh I.	566.951	1.077.902	nt	Sông Hậu
19.	Kênh So Đũa ^(*)	NM33	nt	Đoạn kênh chảy từ sông Hậu vào khu vực xã Đại Ân 2, cấp nước cho khu vực trồng lúa.	573.278	1.055.463	nt	Kênh So Đũa
20.	Kênh Mang Cá ^(*)	NM20	nt	Cầu Mang Cá II, Kênh Mang Cá chảy từ sông Hậu vào khu vực xã Đại Hải, kênh cấp nước chính cho khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng cây ăn trái), giáp ranh với tỉnh Hậu Giang.	539.115	1.083.339	nt	Kênh Mang Cá
21.	Kênh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	NM15	nt	Cầu Huỳnh Hữu Nghĩa, chợ thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, tiếp nhận nước thải sinh hoạt và hoạt động mua bán tại chợ.	534.112	1.065.192	nt	Sông Huỳnh Hữu Nghĩa

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
22.	Kênh chợ Lịch Hội Thượng	NM16	nt	Khu vực chợ thị trấn Lịch Hội Thượng, tiếp nhận nước thải sinh hoạt và hoạt động mua bán tại chợ.	570.939	1.048.802	nt	Kênh Tú Diễm
23.	Kênh TT Châu Thành	NM17	nt	Cầu Thuận Hoà, thị trấn Châu Thành. Kênh dọc theo tuyến QL1, tiếp nhận nước thải sinh hoạt và chăn nuôi.	543.530	1.072.846	nt	Kênh Thuận Hoà
24.	Kênh TT Long Phú	NM18	nt	Cầu Khoan Tan, thị trấn Long Phú, kênh cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiếp nhận nước thải sinh hoạt.	568.423	1.062.274	nt	Sông Long Phú
25.	Sông Tho ^(*)	NM22	nt	Sông Dù Tho tại khu vực bến phà Dù Tho. Nhánh sông Mỹ Thanh chảy qua các xã Ngọc Đông, Thạnh Thới Thuận, cấp nước cho khu vực nuôi trồng thủy sản.	551.110	1.050.668	nt	Sông Dù Tho
26.	Kênh Thạnh Mỹ ^(*)	NM21	nt	Cầu tại kênh Thạnh Mỹ đoạn qua xã Hoà Tú I. Kênh chảy từ sông Dù Tho qua xã Hòa Tú I, kênh cấp nước cho khu vực nuôi trồng thủy sản.	541.305	1.041.367	nt	Kênh Thạnh Mỹ
27.	Sông Thanh ^(*)	NM23	nt	Cầu chợ Kinh, đoạn sông chảy từ cửa Mỹ Thanh vào khu vực xã Hoà Tú II - huyện Mỹ Xuyên giáp phường Vĩnh	543.604	1.035.724	nt	Sông Mỹ Thanh

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
				Phước - thị xã Vĩnh Châu.				
28.	Kênh Cỏ Cò đi Vĩnh Châu ^(*)	NM24	nt	Cầu Vĩnh Châu 2 tại kênh Cỏ Cò đi Vĩnh Châu, chảy từ sông Mỹ Thanh vào qua khu vực xã Vĩnh Hiệp và phường Khánh Hoà, phục vụ cấp nước cho khu vực nuôi trồng thủy sản.	552.063	1.038.831	nt	Kênh Cỏ Cò đi Vĩnh Châu
29.	Rạch Trà Niên ^(*)	NM25	nt	Rạch Trà Niên chảy từ sông Mỹ Thanh qua khu vực xã Hòa Đông và Lạc Hòa, cấp nước cho vùng nuôi trồng thủy sản có chịu tác động của hoạt động điện gió.	562.157	1.039.474	nt	Rạch Trà Niên
30.	Kênh Mới Trà Vôn ^(*)	NM26	nt	Cầu Trà Vôn tại xã Vĩnh Tân. Đoạn chảy từ sông Mỹ Thanh qua khu vực xã Vĩnh Tân, giáp với kênh Bạc Liêu-Vĩnh Châu, cấp nước cho khu vực nuôi trồng thủy sản.	542.149	1.029.704	nt	Kênh Mới Trà Vôn
31.	Kênh Nàng Rền ^(*)	NM27	nt	Cầu Nam Quang tại kênh Nàng Rền, kênh chính chảy qua xã Châu Hưng, cấp nước cho khu vực trồng lúa thuộc các xã Châu Hưng, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành.	517.600	1.040.739	nt	Kênh Nàng Rền
32.	Kênh SaDi ^(*)	NM28	nt	Cầu SaDi, đoạn kênh SaDi giáp kênh Xáng Ngã Năm - Phú Lộc tại xã Thạnh Trị; kênh cấp nước cho khu vực trồng lúa tại xã Thạnh Trị, Lâm Tân, Thuận	523.913	1.045.871	nt	Kênh SaDi



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
				Tức.				
33.	Kênh Cái Trầu(*)	NM30	nt	Kênh chảy qua địa phận xã Tân Long, tiếp giáp với kênh Xáng Phú Lộc – Ngã Năm, cấp nước cho khu vực trồng lúa, khu vực sản xuất nông nghiệp có chịu tác động của nước từ rừng tràm.	522.289	1.053.835	nt	Kênh Cái Trầu
34.	Kênh Tiếp Nhựt(*)	NM34	nt	Khu vực chợ xã Viên Bình, nguồn nước cấp và chịu tác động của khu vực sản xuất nông nghiệp, hoạt động dân sinh.	563.896	1.050.903	nt	Kênh Tiếp Nhựt
35.	Kênh Tổng Cánh(*)	NM35	nt	Cầu Tổng Cánh tại khu vực xã Liêu Tú là nguồn cấp nước chính cho khu vực. Đánh giá chất lượng nước mặt khu vực sản xuất nông nghiệp gồm 2 hoạt động chính là nuôi trồng thủy sản và trồng lúa.	564.780	1.045.405	nt	Kênh Tổng Cánh
II Môi trường nước dưới đất								
36.	Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	NN1	pH, TDS, COD, CaCO ₃ , N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , N- NO ₃ ⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Fe tổng, Mn, As, Coliforms, E.Coli.	Tầng pleistocen giữa trên tại Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Tp. Sóc Trăng	551.857	1.062.372	4	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
37.	Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi	NN2	nt	Tầng Miocen trên tại Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi, Phường 2, Tp. Sóc Trăng	550.873	1.061.074	nt	
38.	Xí nghiệp cấp nước huyện Long Phú	NN3	nt	Tầng pleistocen giữa trên tại Xí nghiệp cấp nước huyện Long Phú, thị trấn Long Phú	569.149	1.062.374	nt	
39.	Xí nghiệp cấp nước TT Lịch Hội Thượng	NN4	nt	Tầng pleistocen dưới tại Xí nghiệp cấp nước TT Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề	570.667	1.050.582	nt	
40.	Trạm cấp nước TT Đại Ngãi	NN5	nt	Tầng pleistocen dưới tại Trạm cấp nước TT Đại Ngãi, huyện Long Phú	562.668	1.075.372	nt	



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
41.	Chi nhánh Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Cù Lao Dung	NN6	nt	Tầng pleistocen dưới tại Chi nhánh nước sạch & VSMTNT huyện Cù Lao Dung, thị trấn Cù Lao Dung	571.611	1.068.570	nt	
42.	Xí nghiệp cấp nước TX Vĩnh Châu	NN7	nt	Tầng pleistocen giữa trên tại Xí nghiệp cấp nước TX Vĩnh Châu, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu	552.799	1.030.558	nt	
43.	Xí nghiệp cấp nước TX Ngã Năm	NN8	nt	Tầng pleistocen giữa trên tại Xí nghiệp cấp nước TX Ngã Năm, Phường 1, thị xã Ngã Năm	510.578	1.057.152	nt	
44.	Trạm cấp nước Đại	NN9	nt	Tầng pleistocen giữa trên tại Trạm cấp nước Đại Hải, xã Đại Hải	539.048	1.079.531	nt	



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
	Hải(*)							
45.	Xí nghiệp cấp nước huyện Kế Sách	NN10	nt	Tầng pleistocen dưới tại Xí nghiệp cấp nước huyện Kế Sách, thị trấn Kế Sách	553.176	1.079.540	nt	
46.	Xí nghiệp cấp nước huyện Mỹ Tú	NN11	nt	Tầng pleistocen dưới tại Xí nghiệp cấp nước huyện Mỹ Tú, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	534.213	1.065.312	nt	
47.	Chi nhánh nước sạch & VSMTN T huyện Châu Thành	NN12	nt	Tầng pleistocen dưới tại Chi nhánh Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Châu Thành, thị trấn Châu Thành	543.976	1.072.626	nt	
48.	Xí nghiệp	NN13	nt	Tầng Miocen trên tại Xí nghiệp cấp nước	552.512	1.058.397	nt	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
	cấp nước huyện Mỹ Xuyên			huyện Mỹ Xuyên, thị trấn Mỹ Xuyên				
49.	Trạm cấp nước xã Thanh Phú	NN14	nt	Tầng pleistocen giữa trên tại Trạm cấp nước xã Thanh Phú	538.757	1.050.653	nt	
50.	Trạm cấp nước xã Ngọc Tố	NN15	nt	Tầng pleistocen dưới tại Trạm cấp nước xã Ngọc Tố	551.533	1.042.421	nt	
51.	Giếng ST1	NN16	nt	Tầng pleistocen giữa trên, Giếng khoan chuyên biệt tại UBND TT Phú Lộc, huyện Thanh Trì	527.090	1.042.388	nt	
52.	Giếng ST3	NN17	nt	Tầng pleistocen giữa trên, giếng khoan chuyên biệt tại UBND xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung	565.178	1.076.832	nt	
53.	Giếng ST4	NN18	nt	Tầng pleistocen giữa trên, giếng khoan chuyên biệt tại Đội Quản lý thị trường huyện Trần Đề	577.028	1.051.707	nt	



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
54.	Trạm cấp nước Thanh Quới(*)	NN19	nt	Tầng pleistocen dưới tại Trạm cấp nước Thanh Quới, huyện Mỹ Xuyên	534.895	1.047.150	nt	
55.	Giếng ST11	NN20		Tầng pleistocen giữa trên, giếng khoan chuyên biệt tại UBND xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu	542.416	1.029.591		
56.	Nhà máy cấp nước Phường 8(*)	NN21	nt	Tầng miocen trên tại Nhà máy cấp nước Phường 8, Tp. Sóc Trăng	551.857	1.062.372	nt	
III Môi trường nước biển ven bờ								
57.	Xã Vĩnh Hải	NB1	pH, DO, TSS, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , tổng Coliform, dầu mỡ khoáng, Fe tổng, Động vật nổi, Động vật đáy.	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	575.158	1.033.856	6	
58.	Xã An Thạnh Nam	NB2		Xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung	582.086	1.047.189		
59.	Xã Trung Bình	NB3		Xã Trung Bình, huyện Trần Đề	578.063	1.043.992		

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
60.	Xã Vĩnh Tân(*)	NB4	nt	Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu	544.101	1.023.401	nt	
61.	Xã An Thạnh 3(*)	NB5	nt	Xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung	588.105	1.055.684	nt	
IV	Môi trường nước mưa							
62.	Thành phố Sóc Trăng	NMua1	pH, TDS, EC, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , N-NO ₃ ⁻ , Cl ⁻ , SO ₄ ²⁻	Thiết bị thu mẫu đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường	551.397	1.062.713	2	
63.	Thị xã Vĩnh Châu	NMua2	nt	Thiết bị thu mẫu đặt tại UBND thị xã Vĩnh Châu	552.736	1.030.723	nt	
64.	Thị xã Ngã Năm	NMua3	nt	Thiết bị thu mẫu đặt tại UBND thị xã Ngã Năm	511.452	1.057.385	nt	
V	Môi trường đất							
65.	Xã Hòa Tú 2	Đ1	pH (H ₂ O, KCl), Cu, Pb, Cd, Zn, Cr, As	Đất nông nghiệp vùng nước lợ, nuôi trồng thủy sản	541.634	1.040.009	2	
66.	Xã An Thạnh Nam	Đ2	nt	Đất nông nghiệp vùng nước mặn ven biển.	580.640	1.052.237	nt	



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
75.	Cửa sông Mỹ Thanh ^(*)	TT1	pH (H ₂ O, KCl), Cu, Pb, Cd, Zn, Cr, As	Cửa sông Mỹ Thanh tại thị xã Vĩnh Châu. Khu vực nuôi trồng thủy sản	573.245	1.041.131	2	
76.	Cửa Trần Đề ^(*)	TT2	nt	Khu vực sông Hậu chảy ra biển tại cửa Trần Đề. Khu vực nuôi trồng thủy sản	578.135	1.048.531	nt	
77.	Ngã ba sông Đĩnh ^(*)	TT3	nt	Ngã 3 sông Đĩnh-Saintard tại thành phố Sóc Trăng. Khu vực đô thị	557.455	1.061.775	nt	
78.	Ngã ba sông Hậu-Saintard ^(*)	TT4	nt	Ngã ba sông Hậu-Saintard tại thị trấn Đại Ngãi. Khu vực sản xuất nông nghiệp.	563.224	1.075.742	nt	
79.	Kênh 30/4 ^(*)	TT5	nt	Kênh 30/4 tại khu công nghiệp An Nghiệp. Khu vực sản xuất công nghiệp.	551.142	1.065.573	nt	
VII	Môi trường KKXQ và tiếng ồn							
80.	Khu công nghiệp An Nghiệp ^(*)	KK1	Khí tượng (nhiệt độ, ẩm độ, áp suất, tốc độ gió), tiếng ồn (Leq, Lmax), TSP, PM ₁₀ , SO ₂ , NO ₂ , CO, NH ₃ , H ₂ S	Cổng khu công nghiệp tại QL60	550.410	1.065.359	6	
81.	Làng nghề hầm than	KK2	nt	Khu làng nghề hầm than tại xã Xuân	541.633	1.093.514	nt	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
	Xuân Hoà ^(*)			Hoà, huyện Kế Sách				
82.	Quản lộ Phụng Hiệp khu vực Tx. Ngã Năm (*)	KK3	nt	Vòng xoay Quản lộ Phụng Hiệp - Quốc lộ 61B tại thị xã Ngã Năm	512.255	1.057.616	nt	
83.	Quốc lộ 1 khu vực thị trấn Châu Thành ^(*)	KK4	nt	Quốc lộ 1 tại ngã 3 giáp đường vào khu hành chính huyện Châu Thành.	543.889	1.072.556	nt	
84.	Rừng tràm Mỹ Phước ^(*)	KK5	nt	Khu vực công khu căn cứ Tỉnh uỷ.	542.068	1.061.307	nt	
85.	Khu vực Nhà máy xử lý chất thải rắn Tp. Sóc Trăng ^(*)	KK6	nt	Khu vực Nhà máy xử lý chất thải rắn Tp. Sóc Trăng tại xã Đại Tâm	542.520	1.053.237	nt	
86.	Cụm công nghiệp Cái Côn ^(*)	KK7	nt	Quốc lộ Nam sông Hậu tại cụm công nghiệp Cái Côn, xã An Lạc Thôn	544.202	1.096.613	nt	



STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu (Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 6°)		Tần suất (đợt/ năm)	Tên sông, hồ, kênh, rạch
					X	Y		
87.	Khu công nghiệp Trần Đề ^(*)	KK8	nt	Quốc lộ Nam sông Hậu đoạn khu công nghiệp Trần Đề, thị trấn Trần Đề	575.048	1.054.498	nt	

^(*): Các điểm quan trắc được bổ sung mới theo Quyết định số 508/QĐ-UBND



Phụ lục IX. Chỉ tiêu thống kê

(Kèm theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Bảng 1. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia

(Ban hành kèm theo Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê)

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Số liệu
21. Bảo vệ môi trường			
220	2101	Diện tích rừng hiện có	10.245,87 ha
221	2102	Tỷ lệ che phủ rừng	2,54%
222	2103	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	34 vụ dông, lốc, sạt lở làm sập và tốc mái 167 căn nhà; diện tích lúa bị thiệt hại 13.567ha; cây ăn trái bị ảnh hưởng 66ha; rau màu bị thiệt hại 767ha; 66 vụ sạt lở đất cồn, bờ sông, bờ kênh, lộ đất với chiều dài 3.332m và triệu cường gây tràn bờ đê 105m
223	2104	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	KBT Loài và sinh cảnh Mỹ Phước (387ha); Khu dự trữ thiên nhiên RNM Cù Lao Dung: 25.333,7 ha.
224	2105	Diện tích đất bị thoái hoá	Không có số liệu
225	2106	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	100%
226	2107	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	- Tại khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ: 92%; - Tại khu dân cư nông thôn, làng nghề: 62,3%
227	2108	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100%
228	2109	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Chưa có cụm công nghiệp đi vào hoạt động

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Số liệu
229	2110	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	Không có số liệu
230	2111	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM _{2,5} và PM ₁₀ trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	Không có số liệu





Bảng 2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường
(Ban hành kèm theo Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Số liệu
	4	MÔI TRƯỜNG	
27	401	Nồng độ các chất trong môi trường không khí	Không có dữ liệu
28	402	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ các chất trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật cho phép	0%
29	403	Hàm lượng các chất trong môi trường nước	Không có dữ liệu
30	404	Hàm lượng các chất trong môi trường nước biển tại khu vực cửa sông, ven biển và biển xa bờ	Không có dữ liệu
31	405	Hàm lượng các chất trong trầm tích đáy tại khu vực cửa sông, ven biển	Không có dữ liệu
32	406	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	KBT Loài và sinh cảnh Mỹ Phước (387ha); Khu dự trữ thiên nhiên RNM Cù Lao Dung: 25.333,7 ha.
33	407	Tỷ lệ các doanh nghiệp được cấp chứng nhận quản lý môi trường	100%
34	408	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	100%
35	409	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	Không có
36	410	Các sự cố môi trường trên đất liền	Không có
37	411	Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo	Không có
38	412	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày đêm trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	100%
39	413	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh	100%



STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Số liệu
40	414	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	26%

